Số: 339/TB-TTYT
Thời gian ký: 04/12/2023 14:02:17 +07:00

Mẫu số 09

Mã hiệu: ……..

Số: ……

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày tháng 12 năm 2023 của TTYT thị xã Hoài Nhơn)

Tài khoản dự toán: ☒ **Tài khoản tiền gửi: ☐**

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn

2. Mã đơn vị: 1047707

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 4307201005395 Ngân hàng: Agribank Hoài Nhơn - PGD Tam Quan

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền lương tháng 11/2023

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			**147.528.211**	**147.528.211**							
I.	**Đối với công chức, viên chức**			**147.528.211**	**147.528.211**							
1	Trần Quang Hải	4307215009189	Agribank Hoài Nhơn	13.262.341	13.262.341							
2	Nguyễn Tam Hùng	4307215009195	Agribank Hoài Nhơn	10.517.554	10.517.554							
3	Trần Văn Bé	4307215009200	Agribank Hoài Nhơn	8.460.691	8.460.691							Tăng PCTNVK
4	Phạm Văn Khương	4307215009347	Agribank Hoài Nhơn	8.972.407	8.972.407							
5	Nguyễn Thị Tuyết Lan	4307215009251	Agribank Hoài Nhơn	7.062.153	7.062.153							Tăng lương
6	Võ Văn Minh	4307215009268	Agribank Hoài Nhơn	8.450.833	8.450.833							
7	Nguyễn Văn Nam	4307215009274	Agribank Hoài Nhơn	9.294.173	9.294.173							
8	Lâm Thị Thiệt	4307215017027	Agribank Hoài Nhơn	8.387.921	8.387.921							
9	Nguyễn Thị Hương	4307215023410	Agribank Hoài Nhơn	4.347.373	4.347.373							
10	Huỳnh Thị Bông	4307205140788	Agribank Hoài Nhơn	5.764.228	5.764.228							
11	Nguyễn Thanh Hậu	4307215023404	Agribank Hoài Nhơn	6.083.013	6.083.013							
12	Trần Thị Yến	4307205226441	Agribank Hoài Nhơn	7.725.650	7.725.650							
13	Trương Viết Nhân	4307205084771	Agribank Hoài Nhơn	6.980.650	6.980.650							
14	Trương Thị Linh Huệ	4307205183196	Agribank Hoài Nhơn	5.132.603	5.132.603							
15	Nguyễn Thị Bích Nga	4307215008922	Agribank Hoài Nhơn	6.425.401	6.425.401							
17	Cao Văn Cảnh	4307215034010	Agribank Hoài Nhơn	6.356.936	6.356.936							

18	Hứa Thị Thạnh	4307215035823	Agribank Hoài Nhơn	5.510.467	5.510.467							
19	Nguyễn Thị Út Linh	4307205421977	Agribank Hoài Nhơn	5.248.376	5.248.376							
20	Trần Thị Ánh Tuyết	4307205176053	Agribank Hoài Nhơn	4.515.147	4.515.147							
21	Nguyễn Thị Hồng	4307205224498	Agribank Hoài Nhơn	4.515.147	4.515.147							
22	Nguyễn Văn Thì	4307205224793	Agribank Hoài Nhơn	4.515.147	4.515.147							
II.	**Đối với lao động, hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												
III.	**Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSN công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												

Tổng số tiền bằng chữ : Một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười một đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

06 biên chế tăng PCĐH tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng : 203.894 đồng.

01 biên chế tăng PCTNVK tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng : 78.341 đồng.

01 biên chế tăng lương tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng : 636.752 đồng.

Tổng cộng tiền tăng tháng 11/2023: 918.987 đồng

03 biên chế giảm PCĐH tháng 11/2023. Tổng số tiền giảm : 216.726 đồng.

01 biên chế giảm phụ cấp ưu đãi nghề tháng 11/2023. Tổng số tiền giảm: 1.942.960 đồng.

Tổng cộng tiền giảm tháng 11/2023: 2.159.686 đồng.

Ngày tháng 11 năm 2023

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thị Kim Định	**Nguyễn Xuân Trường**	

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên	*Ngày..... tháng..... năm.....*
	Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Mẫu số 09

Mã hiệu: ……..

Số: …….

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày tháng 12 năm 2023 của TTYT thị xã Hoài Nhơn)

Tài khoản dự toán: ☒ **Tài khoản tiền gửi: ☐**

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn

2. Mã đơn vị: 1047707

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 4307201005395 Ngân hàng: Agribank Hoài Nhơn - PGD Tam Quan

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền lương tháng 11/2023

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			**28.933.937**	**28.933.937**							
I.	**Đối với công chức, viên chức**			**28.933.937**	**28.933.937**							
1	Lê Thị Hồng Vân	4307215004480	Agribank Hoài Nhơn	8.991.777	8.991.777							
2	Bùi Thị Danh	4307215017091	Agribank Hoài Nhơn	6.516.813	6.516.813							
3	Nguyễn Thị Nhung	4307205202863	Agribank Hoài Nhơn	4.843.096	4.843.096							
4	Võ Thị Ánh Nguyệt	4307215039173	Agribank Hoài Nhơn	0	0							Nghỉ Ts
5	Lê Thị Phượng	4307205533177	Agribank Hoài Nhơn	3.739.155	3.739.155							
6	Nguyễn Thị Chỉ	4307205117684	Agribank Hoài Nhơn	4.843.096	4.843.096							
II.	**Đối với lao động, hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												
III.	**Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSN công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												

Tổng số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu chín trăm ba mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng chẵn.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Không thay đổi

Ngày tháng 11 năm 2023

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thị Kim Định	**Nguyễn Xuân Trường**	

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên	*Ngày..... tháng..... năm.....* **Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện**

Mẫu số 09

Mã hiệu: ……..

Số: …….

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày tháng 12 năm 2023 của TTYT thị xã Hoài Nhơn)

Tài khoản dự toán: ☒ **Tài khoản tiền gửi: ☐**

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn

2. Mã đơn vị: 1047707

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 4307201005395 Ngân hàng: Agribank Hoài Nhơn - PGD Tam Quan

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền lương tháng 11/2023

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			**854.784.508**	**854.784.508**							
I.	**Đối với công chức, viên chức**			**854.784.508**	**854.784.508**							
1	Trần Thanh Trường	4307215023910	Agribank Hoài Nhơn	12.310.529	12.310.529							
2	Mai Thị Hồng Trâm	4307215023876	Agribank Hoài Nhơn	6.290.333	6.290.333							
3	Phùng Ngọc Hòa	4307215023853	Agribank Hoài Nhơn	6.579.765	6.579.765							
4	Đào Thị Thắng	4307215023882	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
5	Trần Thị Ánh Nguyệt	4307205172279	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
6	Huỳnh Thị Ngọc Nhụy	4307215023903	Agribank Hoài Nhơn	4.736.263	4.736.263							
7	Lê Thị Hồng Vân	4307205261623	Agribank Hoài Nhơn	3.659.241	3.659.241							Nghỉ ốm 5 ngày
8	Nguyễn Thị Thùy Trang	4307205314930	Agribank Hoài Nhơn	5.248.376	5.248.376							
9	Nguyễn Thanh Hùng	4307215023614	Agribank Hoài Nhơn	10.903.136	10.903.136							
10	Hoàng Thị Hiền	4307215023558	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
11	Lưu Hữu Bàng	4307215023570	Agribank Hoài Nhơn	5.518.513	5.518.513							
12	Đỗ Thị Tuyết Hoài	4307215023587	Agribank Hoài Nhơn	7.351.585	7.351.585							
13	Đinh Thị Diễm	4307215023620	Agribank Hoài Nhơn	5.248.376	5.248.376							
14	Võ Thị Thủy	4307215023593	Agribank Hoài Nhơn	5.395.066	5.395.066							
15	Huỳnh Thị Hồng Hạnh	4307215009143	Agribank Hoài Nhơn	6.825.243	6.825.243							Tăng lương

16	Nguyễn Đình Lộc	4307205185894	Agribank Hoài Nhơn	10.680.691	10.680.691							
17	Nguyễn Thị Quốc Khánh	4307205185871	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
18	Lê Thị Nương	4307205185915	Agribank Hoài Nhơn	8.531.350	8.531.350							
19	Trần Thị Thiên Lý	4307205186011	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
20	Nguyễn Đông Giang	4307215023643	Agribank Hoài Nhơn	8.382.350	8.382.350							
21	Trần Thị Thu Nguyệt	4307281016094	Agribank Hoài Nhơn	5.448.483	5.448.483							
22	Mai Thị Thùy Trang	4307205200635	Agribank Hoài Nhơn	0	0							Nghỉ Ts
23	Trần Thị Thương	4307205034490	Agribank Hoài Nhơn	5.788.650	5.788.650							
24	Trần Đình Du	4307205057858	Agribank Hoài Nhơn	10.517.184	10.517.184							
25	Nguyễn Đình Tài	4307205185973	Agribank Hoài Nhơn	5.441.331	5.441.331							
26	Nguyễn Thị Năm	4307215022187	Agribank Hoài Nhơn	6.825.243	6.825.243							Tăng lương
27	Võ Thị Kim Nguyên	4307205187139	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							Tăng lương
28	Phạm Văn Thế	4307215014200	Agribank Hoài Nhơn	6.676.243	6.676.243							
29	Trần Thị Hồng	4307205078779	Agribank Hoài Nhơn	5.092.373	5.092.373							
30	Nguyễn Thanh Kim	4307215023745	Agribank Hoài Nhơn	12.310.529	12.310.529							
31	Nguyễn Thị Thúy Thân	4307215023780	Agribank Hoài Nhơn	6.734.129	6.734.129							
32	Mạc Thị Hiền	4307215023990	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
33	Nguyễn Thị Kim Quy	4307215023768	Agribank Hoài Nhơn	6.593.697	6.593.697							
34	Nguyễn Thị Thật	4307215023637	Agribank Hoài Nhơn	5.132.603	5.132.603							
35	Bùi Thị Hạ	4307215023774	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
36	Nguyễn Thị Lan	4307215023751	Agribank Hoài Nhơn	5.947.037	5.947.037							
37	Nguyễn Thanh Kiệt	4307205132511	Agribank Hoài Nhơn	12.310.529	12.310.529							
38	Huỳnh Thị Kim Lập	4307215023672	Agribank Hoài Nhơn	8.528.611	8.528.611							
39	Nguyễn Thị Hồng Phấn	4307215023689	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
40	Dương Thị Kim Loan	4307215023722	Agribank Hoài Nhơn	6.290.333	6.290.333							
41	Nguyễn Thị Thúy	4307215023716	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
42	Đỗ Thị Phương Thảo	4307215023650	Agribank Hoài Nhơn	5.151.898	5.151.898							
43	Lê Thị Trúc Linh	4307205360002	Agribank Hoài Nhơn	4.052.055	4.052.055							
44	Nguyễn Thị Tứ	4307215023695	Agribank Hoài Nhơn	5.395.066	5.395.066							
45	Nguyễn Văn Thi	4307215020849	Agribank Hoài Nhơn	12.310.529	12.310.529							
46	Nguyễn Thị Thanh Trang	4307215020905	Agribank Hoài Nhơn	8.625.088	8.625.088							
47	Huỳnh Thị Kim Chi	4307215020810	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
48	Trần Thị Hiếu	4307215020855	Agribank Hoài Nhơn	0	0							Nghỉ Ts
49	Nguyễn Thị Thúy An	4307215020911	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
50	Võ Khôi Thảo	4307215020884	Agribank Hoài Nhơn	5.804.593	5.804.593							
51	Đỗ Thị Mỹ Lệ	4307205200664	Agribank Hoài Nhơn	4.746.693	4.746.693							
52	Võ Thị Bích Liễu	4307205208319	Agribank Hoài Nhơn	4.746.693	4.746.693							

53	Dương Thị Thùy Linh	4307205102057	Agribank Hoài Nhơn	10.742.006	10.742.006							
54	Đinh Thị Nhàn	4307215020572	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
55	Nguyễn Thị Hồng Vân	4307215020537	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
56	Trần Thị Xuân Huyền	4307215020520	Agribank Hoài Nhơn	6.425.401	6.425.401							
57	Mai Thị Xuân Thành	4307215020589	Agribank Hoài Nhơn	4.910.245	4.910.245							Đi làm sau nghỉ Ts
58	Nguyễn Thị Thanh Nga	4307205178121	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
59	Nguyễn Thị Quyên	4307205163754	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
60	Nguyễn Thị Yến	4307215024182	Agribank Hoài Nhơn	4.746.693	4.746.693							
61	Hồ Thanh Đông	4307215020747	Agribank Hoài Nhơn	10.742.006	10.742.006							
62	Nguyễn Thị Cẩm Hóa	4307215020616	Agribank Hoài Nhơn	8.539.030	8.539.030							
63	Phan Thanh Nô	4307215020651	Agribank Hoài Nhơn	5.276.457	5.276.457							Giảm PCUĐN
64	Nguyễn Thị Quyên.	4307215020718	Agribank Hoài Nhơn	6.135.969	6.135.969							
65	Nguyễn Thị Kim Thương	4307215021076	Agribank Hoài Nhơn	5.248.376	5.248.376							
66	Phạm Thị Âu	4307205496120	Agribank Hoài Nhơn	5.248.376	5.248.376							
67	Nguyễn Văn Hưng	4307205158340	Agribank Hoài Nhơn	5.518.513	5.518.513							
68	Huỳnh Thị Lành	4307215020680	Agribank Hoài Nhơn	6.593.697	6.593.697							
69	Nguyễn Tấn Sinh	4307205001780	Agribank Hoài Nhơn	11.066.643	11.066.643							
70	Nguyễn Thị Hà	4307205001115	Agribank Hoài Nhơn	8.688.030	8.688.030							
71	Nguyễn Thị Hằng	4307215020928	Agribank Hoài Nhơn	7.042.857	7.042.857							
72	Phạm Thị Thủy	4307215020934	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
73	Nguyễn Thị Thanh Loan	4307215020957	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
74	Lê Văn Lý	4307215021598	Agribank Hoài Nhơn	5.132.603	5.132.603							
75	Huỳnh Công Lượng	4307215020963	Agribank Hoài Nhơn	6.290.333	6.290.333							
76	Nguyễn Thị Thúy Sinh	4307215025258	Agribank Hoài Nhơn	5.395.066	5.395.066							
77	Nguyễn Văn Hỏi	4307215020878	Agribank Hoài Nhơn	8.222.863	8.222.863							
78	Bùi Thị Kim Nhung	4307215020832	Agribank Hoài Nhơn	7.351.585	7.351.585							
79	Nguyễn Thị Hoanh	4307215020861	Agribank Hoài Nhơn	6.593.697	6.593.697							
80	Lê Thị Ánh Nguyệt	4307215020890	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
81	Phan Thị Ngọc Thạnh	4307215028647	Agribank Hoài Nhơn	5.132.603	5.132.603							
82	Phan Thị Công Trâm	4307205155342	Agribank Hoài Nhơn	4.843.096	4.843.096							
83	Đặng Thị Ngọc Sang	4307215036730	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
84	Phạm Thị Chói	4307205227710	Agribank Hoài Nhơn	5.788.650	5.788.650							Tăng lương
85	Võ Trường Nam	4307215020470	Agribank Hoài Nhơn	12.310.529	12.310.529							
86	Đặng Thị Bích Hiền	4307215020514	Agribank Hoài Nhơn	8.539.030	8.539.030							
87	Nguyễn Thị Thanh Thùy	4307215021103	Agribank Hoài Nhơn	5.341.650	5.341.650							
88	Nguyễn Thị Anh Thư	4307205358495	Agribank Hoài Nhơn	3.974.873	3.974.873							
89	Nguyễn Xuân Lâm	4307215020487	Agribank Hoài Nhơn	5.276.457	5.276.457							Giảm PCUĐN

90	Nguyễn Thị Tuyết Phương	4307215023984	Agribank Hoài Nhơn	4.052.055	4.052.055							
91	Lưu Thị Bích Trâm	4307215020776	Agribank Hoài Nhơn	10.873.667	10.873.667							
92	Đỗ Thị Cẩn	4307215020753	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
93	Phan Thị Hường	4307215020697	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
94	Thái Văn Nghề	4307215020668	Agribank Hoài Nhơn	6.290.333	6.290.333							
95	Lê Thị Thanh Nga	4307215020760	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
96	Đỗ Thị Nữ	4307215020782	Agribank Hoài Nhơn	5.395.066	5.395.066							
97	Phan Thị Ngọc	4307205172030	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
98	Nguyễn Thị Thanh Thúy	4307215020724	Agribank Hoài Nhơn	6.593.697	6.593.697							
99	Nguyễn Văn Vin	4307205145802	Agribank Hoài Nhơn	4.515.147	4.515.147							
100	Lê Thanh Quang	4307215020543	Agribank Hoài Nhơn	9.995.069	9.995.069							
101	Võ Thị Liên	4307215020566	Agribank Hoài Nhơn	8.539.030	8.539.030							
102	Trần Duy Hùng	4307215020701	Agribank Hoài Nhơn	8.222.863	8.222.863							
103	Võ Thị Phường	4307215009120	Agribank Hoài Nhơn	7.641.018	7.641.018							
104	Lê Ký	4307205016339	Agribank Hoài Nhơn	7.062.153	7.062.153							
105	Lê Thị Huệ	4307215014216	Agribank Hoài Nhơn	7.641.018	7.641.018							
106	Phan Thị Bích Trâm	4307205118120	Agribank Hoài Nhơn	5.248.376	5.248.376							
107	Phạm Thị Phượng	4307215009087	Agribank Hoài Nhơn	8.923.050	8.923.050							
108	Trần Hơn	4307215021053	Agribank Hoài Nhơn	10.903.136	10.903.136							
109	Bùi Thị Niềm	4307215021018	Agribank Hoài Nhơn	8.225.671	8.225.671							
110	Lê Thị Thuý Hằng	4307215021030	Agribank Hoài Nhơn	7.191.857	7.191.857							
111	Võ Minh Phương	4307215021060	Agribank Hoài Nhơn	6.734.129	6.734.129							
112	Dương Quang Thắng	4307215021099	Agribank Hoài Nhơn	6.425.401	6.425.401							
113	Nguyễn Thị Đàng	4307215021047	Agribank Hoài Nhơn	4.843.096	4.843.096							
114	Phạm Thị Hồng Thật	4307215023319	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
115	Nguyễn Thanh Mai	4307205108762	Agribank Hoài Nhơn	6.811.311	6.811.311							
116	Trần Văn Minh	4307215020992	Agribank Hoài Nhơn	8.382.350	8.382.350							
117	Nguyễn Thanh Bình	4307215020986	Agribank Hoài Nhơn	7.062.153	7.062.153							
118	Lý Thị Hậu	4307215020970	Agribank Hoài Nhơn	5.929.231	5.929.231							
119	Phan Tâm Minh Tịnh	4307215034627	Agribank Hoài Nhơn	4.052.055	4.052.055							
120	Nguyễn Thị Kim Yến	4307205176047	Agribank Hoài Nhơn	7.129.650	7.129.650							
121	Nguyễn Văn Kiện	4307215021677	Agribank Hoài Nhơn	12.310.529	12.310.529							
122	Trương Thị Năm	4307215021660	Agribank Hoài Nhơn	8.828.463	8.828.463							
123	Huỳnh Chí Công	4307205003162	Agribank Hoài Nhơn	8.539.030	8.539.030							
124	Trần Thị Thảo	4307215021683	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
125	Đỗ Thị Tuyết Trinh	4307215021648	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
126	Nguyễn Thị Phú	4307215021654	Agribank Hoài Nhơn	5.395.066	5.395.066							

127	Lê Sĩ Tín	4307215024199	Agribank Hoài Nhơn	4.746.693	4.746.693							
II.	**Đối với lao động, hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												
III.	**Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSN công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												

Tổng số tiền bằng chữ: Tám trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm lẻ tám đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

01 biên chế làm lại sau nghỉ thai sản. Tổng số tiền tăng: 4.910.245 đồng.

04 biên chế tăng lương tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng: 2.006.733 đồng.

Tổng cộng số tiền tăng tháng 11/2023: 6.916.978 đồng.

01 biên chế nghỉ thai sản T11/2023. Tổng số tiền giảm : 4.746.693 đồng

01 biên chế nghỉ ốm T11/2023. Tổng số tiền giảm: 701.542 đồng.

02 biên chế giảm phụ cấp ưu đãi nghề. Tổng số tiền giảm: 4.716.386 đồng.

Tổng cộng số tiền tăng tháng 11/2023: 10.164.621 đồng.

Ngày tháng 11 năm 2023

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thị Kim Định	**Nguyễn Xuân Trường**	

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên	*Ngày..... tháng..... năm.....* **Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện**

Mẫu số 09
Mã hiệu: ……..
Số: …….

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày tháng 12 năm 2023 của TTYT thị xã Hoài Nhơn)

Tài khoản dự toán: ☐ Tài khoản tiền gửi: ☒

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn
2. Mã đơn vị: 1047707
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 11997979 Ngân hàng: KienlongBank CN Bình Định - PGD Tam Quan

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền lương tháng 11/2023

(Đơn vị tính : đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			**383.570.607**	**383.570.607**							
I.	**Đối với công chức, viên chức**			**383.570.607**	**383.570.607**							
1	Trần Hữu Vinh	4061968	KienlongBank	13.120.940	13.120.940							
2	Nguyễn Hoàng	30172283	KienlongBank	9.937.182	9.937.182							
3	Lê Văn Toàn	30185653	KienlongBank	5.320.864	5.320.864							
4	Nguyễn Thị Kim Luyến	30093123	KienlongBank	6.425.401	6.425.401							
5	Huỳnh Hiền	41829293	KienlongBank	8.277.769	8.277.769							
6	Nguyễn Thị Lệ Thủy	26041985	KienlongBank	6.444.697	6.444.697							
7	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	30449763	KienlongBank	4.378.663	4.378.663							
8	Nguyễn Xuân Trường	88837979	KienlongBank	6.152.284	6.152.284							
9	Cao Thanh Sang	19837777	KienlongBank	5.280.858	5.280.858							
10	Trần Thị Bích Phượng	30061463	KienlongBank	4.880.793	4.880.793							
11	Trần Thị Thúy Song	1091985	KienlongBank	4.454.057	4.454.057							
12	Nguyễn Thúy Kiều	25031985	KienlongBank	4.603.057	4.603.057							
13	Nguyễn Thị Kim Định	30303123	KienlongBank	3.560.578	3.560.578							
14	Phan Thị Hiền Lương	30303113	KienlongBank	3.560.578	3.560.578							

15	Nguyễn Thị Thanh Sương	19031988	KienlongBank	4.040.656	4.040.656							
16	Nguyễn Thị Ánh Duyên	0000069792	KienlongBank	2.480.403	2.480.403							
17	Lê Văn Mẫn	30091643	KienlongBank	8.970.098	8.970.098							Giảm PCĐH
18	Huỳnh Thị Lương	30178133	KienlongBank	8.063.108	8.063.108							Giảm PCĐH
19	Huỳnh Văn Tuất	30177883	KienlongBank	8.870.742	8.870.742							Tăng PCĐH
20	Nguyễn Thị Bạn	30092203	KienlongBank	8.185.017	8.185.017							
21	Trịnh Thị Thúy Nga	30182323	KienlongBank	8.069.881	8.069.881							Giảm PCĐH
22	Huỳnh Văn Vân	30360853	KienlongBank	8.293.414	8.293.414							
23	Trịnh Như Hoa	30303033	KienlongBank	7.698.904	7.698.904							
24	Nguyễn Bá Tòng	30302923	KienlongBank	8.277.769	8.277.769							
25	Nguyễn Thị Anh Tiến	30351383	KienlongBank	7.218.948	7.218.948							Giảm PCĐH
26	Lê Nhất Linh	30302953	KienlongBank	6.688.515	6.688.515							Tăng PCĐH
27	Nguyễn Thị Kim Huệ	30346593	KienlongBank	6.053.423	6.053.423							
28	Nguyễn Thị Phưởng	30347073	KienlongBank	6.593.697	6.593.697							
29	La Thị Dũng	30349033	KienlongBank	8.071.404	8.071.404							Tăng PCĐH
30	Phạm Thị Thuý Thu	30346913	KienlongBank	6.425.401	6.425.401							Giảm PCTN
31	Trần Thị Thường	30351103	KienlongBank	7.441.426	7.441.426							Tăng PCĐH
32	Huỳnh Thị Thu Hiền	30183633	KienlongBank	8.318.405	8.318.405							Tăng PCĐH
33	Nguyễn Thị Tánh	30183373	KienlongBank	7.116.335	7.116.335							Giảm PCĐH
34	Nguyễn Thị Loan	30183473	KienlongBank	7.062.153	7.062.153							
35	Phạm Thị Loan	30182473	KienlongBank	6.498.879	6.498.879							Giảm PCĐH
36	Nguyễn Thị Kim Phượng	30178443	KienlongBank	7.129.880	7.129.880							Tăng PCĐH
37	Lê Thị Thuỳ Cẩm	30302863	KienlongBank	10.927.565	10.927.565							Tăng PCĐH
38	Dương Thành Tứ	30174303	KienlongBank	12.276.191	12.276.191							Tăng PCĐH
39	Nguyễn Trần Khoa	30176333	KienlongBank	7.275.175	7.275.175							Tăng PCĐH
40	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	30174803	KienlongBank	8.640.469	8.640.469							Tăng PCĐH
41	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	30172573	KienlongBank	7.305.971	7.305.971							Tăng PCĐH
42	Nguyễn Thị Đào	30172843	KienlongBank	7.186.175	7.186.175							Giảm PCĐH
43	Trịnh Thị Mỹ Luận	30174603	KienlongBank	6.702.061	6.702.061							Tăng PCĐH
44	Võ Thị Lành	30174533	KienlongBank	7.900.562	7.900.562							Tăng PCĐH
45	Nguyễn Thị Nở	30176483	KienlongBank	6.942.357	6.942.357							
46	Lê Thị Mỹ	30302903	KienlongBank	7.927.653	7.927.653							Tăng PCĐH
47	Trần Thị Mỹ Lân	30303103	KienlongBank	7.586.707	7.586.707							
48	Nguyễn Thị Phường	30174783	KienlongBank	5.846.536	5.846.536							
49	Nguyễn Trung Thành	30181973	KienlongBank	7.641.018	7.641.018							
50	Nguyễn Thị Thanh Nga	30449153	KienlongBank	6.425.401	6.425.401							
51	Nguyễn Quang Tứ	30071113	KienlongBank	7.509.153	7.509.153							Tăng PCĐH

52	Nguyễn Hồng Quang	30066953	KienlongBank	7.238.244	7.238.244							Giảm PCĐH
53	Trần Hoà Phương	83837777	KienlongBank	8.091.722	8.091.722							Tăng lương, giảm PCĐH
54	Nguyễn Hữu Quãng	0000261498	KienlongBank	6.181.468	6.181.468							Đổi TK chuyển tiền
II.	**Đối với lao động, hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												
III.	**Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSN công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn sáu trăm lẻ bảy đồng chẵn.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

15 biên chế tăng PCĐH tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng : 522.211 đồng

01 biên chế đổi TK chuyển tiền. Tổng số tiền tăng 6.181.468 đồng.

01 biên chế tăng PCCV tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng: 192.955 đồng.

01 biên chế tăng lương tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng: 636.751 đồng.

Tổng số tiền tăng tháng 11/2023 : 7.533.385 đồng

09 biên chế giảm PCĐH tháng 11/2023. Tổng số tiền giảm : 402.443 đồng

01 biên chế giảm phụ cấp trách nhiệm tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng: 149.000 đồng.

Tổng số tiền giảm tháng 11/2023: 551.443 đồng

Ngày tháng 11 năm 2023

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thị Kim Định	**Nguyễn Xuân Trường**	

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên	*Ngày..... tháng..... năm.....* **Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện**

Mẫu số 09
Mã hiệu: ……..
Số: …….

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày tháng 12 năm 2023 của TTYT thị xã Hoài Nhơn)

Tài khoản dự toán: ☐ **Tài khoản tiền gửi: ☒**

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn
2. Mã đơn vị: 1047707
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 4307201005395 Ngân hàng: Agribank Hoài Nhơn - PGD Tam Quan

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền lương tháng 11/2023

(Đơn vị tính : đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			**642.334.867**	**642.334.867**							
I.	**Đối với công chức, viên chức**			**642.334.867**	**642.334.867**							
1	Lưu Kim Hoàng	4307215008294	Agribank Hoài Nhơn	9.454.795	9.454.795							
2	Trần Kim Trung	4307215008367	Agribank Hoài Nhơn	11.341.895	11.341.895							
3	Đỗ Minh Mẫn	4307215020826	Agribank Hoài Nhơn	6.425.401	6.425.401							
4	Lê Thị Diễm My	4307205472695	Agribank Hoài Nhơn	4.000.650	4.000.650							
5	Đặng Thị Kim Thi	4307215039200	Agribank Hoài Nhơn	3.547.243	3.547.243							
6	Nguyễn Công Tráng	4307215008968	Agribank Hoài Nhơn	11.679.880	11.679.880							Tăng PCĐH
7	Trần Văn Thu	4307215008951	Agribank Hoài Nhơn	12.228.037	12.228.037							Tăng PCĐH
8	Nguyễn Thị Bích Hạnh	4307205113552	Agribank Hoài Nhơn	0	0							Nghỉ TS
9	Trương Thị Thuý Giang	4307205169570	Agribank Hoài Nhơn	5.957.467	5.957.467							Tăng PCĐH
10	Lê Thị Thanh Tâm	4307215016966	Agribank Hoài Nhơn	8.857.197	8.857.197							Tăng PCĐH
11	Trương Thị Dư	4307215008872	Agribank Hoài Nhơn	8.151.153	8.151.153							Tăng PCĐH
12	Phan Thanh Tài	4307215035557	Agribank Hoài Nhơn	6.597.740	6.597.740							Giảm PCĐH
13	Phan Thị Thanh Nguyệt	4307215014239	Agribank Hoài Nhơn	8.076.653	8.076.653							Tăng lương, giảm PCĐH
14	Lê Thị Thu Hiền	4307205462186	Agribank Hoài Nhơn	5.341.582	5.341.582							Giảm PCĐH
15	Nguyễn Thị Mỹ	4307205182453	Agribank Hoài Nhơn	5.341.582	5.341.582							Giảm PCĐH
16	Đinh Thị Mỹ Hân	4307205462213	Agribank Hoài Nhơn	5.889.740	5.889.740							Giảm PCĐH

17	Lưu Thị Nga	4307215008577	Agribank Hoài Nhơn	8.821.375	8.821.375							Tăng PCĐH
18	Đặng Anh Tuyền	4307215008315	Agribank Hoài Nhơn	10.638.343	10.638.343							Giảm PCĐH
19	Lưu Trọng Ảnh	4307205103411	Agribank Hoài Nhơn	3.560.578	3.560.578							
20	Đỗ Thị Ngọc Hảo	4307215013945	Agribank Hoài Nhơn	6.601.492	6.601.492							Tăng PCĐH
21	Nguyễn Thị Mộng Thúy	4307215014143	Agribank Hoài Nhơn	6.661.424	6.661.424							Giảm PCĐH
22	Phạm Hùng Vương	4307215014301	Agribank Hoài Nhơn	6.655.674	6.655.674							Giảm PCĐH
23	Nguyễn Văn Chí	4307205003740	Agribank Hoài Nhơn	7.089.488	7.089.488							Giảm PCĐH
24	Trương Thị Kim Chi	4307215018360	Agribank Hoài Nhơn	6.674.970	6.674.970							Giảm PCĐH
25	Đinh Văn Phong	4307215018275	Agribank Hoài Nhơn	6.921.571	6.921.571							
26	Lê Thị Thanh Tuyền	4307215009318	Agribank Hoài Nhơn	7.607.493	7.607.493							
27	Phạm Thị Lệ	4307205462271	Agribank Hoài Nhơn	4.052.055	4.052.055							
28	Phùng Thị Mai Loan	4307215008475	Agribank Hoài Nhơn	10.865.161	10.865.161							Tăng PCĐH
29	Trần Thị An	4307215023541	Agribank Hoài Nhơn	10.611.252	10.611.252							Giảm PCĐH
30	Phạm Thị Út Trinh	4307215028784	Agribank Hoài Nhơn	3.560.578	3.560.578							
31	Võ Thị Hồng Nga	4307215008531	Agribank Hoài Nhơn	8.386.133	8.386.133							Giảm PCĐH
32	Nguyễn Thị Cẩm Thi	4307215014120	Agribank Hoài Nhơn	6.804.674	6.804.674							Giảm PCĐH
33	Nguyễn Thị Hường	4307215018354	Agribank Hoài Nhơn	6.676.243	6.676.243							
34	Đinh Thị Thôm	4307215009006	Agribank Hoài Nhơn	6.593.697	6.593.697							
35	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	4307215008610	Agribank Hoài Nhơn	7.454.971	7.454.971							Tăng PCĐH
36	Nguyễn Thị Lắm	4307205163840	Agribank Hoài Nhơn	6.593.697	6.593.697							
37	Nguyễn Thị Bích Nhị	4307215009093	Agribank Hoài Nhơn	8.539.030	8.539.030							
38	Huỳnh Thị Kim Xuyến	4307215009108	Agribank Hoài Nhơn	10.188.024	10.188.024							
39	Nguyễn Thị Thanh Trà	4307215009114	Agribank Hoài Nhơn	7.790.018	7.790.018							
40	Nguyễn Thị Tuyết	4307215009137	Agribank Hoài Nhơn	6.574.401	6.574.401							
41	Nguyễn Thanh Đình	4307215008519	Agribank Hoài Nhơn	9.302.476	9.302.476							Giảm PCĐH
42	Ngô Thị Mơ	4307215008729	Agribank Hoài Nhơn	7.089.244	7.089.244							Giảm PCĐH
43	Phùng Thị Bích Thủy	4307215008974	Agribank Hoài Nhơn	7.448.063	7.448.063							
44	Võ Thị Tuyết Nhung	4307215008980	Agribank Hoài Nhơn	7.695.200	7.695.200							Giảm PCĐH
45	Nguyễn An Khanh	4307205257241	Agribank Hoài Nhơn	8.999.498	8.999.498							Giảm PCĐH
46	Nguyễn Thị Thu Hằng	4307205233453	Agribank Hoài Nhơn	3.902.111	3.902.111							
47	Phú Thị Bích Liên	4307205462338	Agribank Hoài Nhơn	4.717.942	4.717.942							Tăng PCĐH
48	Lê Thị Mỹ Diện	4307205182424	Agribank Hoài Nhơn	6.512.424	6.512.424							Giảm PCĐH
49	La Thị Nhẫn	4307215014318	Agribank Hoài Nhơn	7.956.268	7.956.268							Giảm PCĐH
50	Phan Thị Sáu	4307215008758	Agribank Hoài Nhơn	9.280.742	9.280.742							Giảm PCĐH
51	Nguyễn Thị Hà	4307215014093	Agribank Hoài Nhơn	8.640.469	8.640.469							Tăng PCĐH
52	Nguyễn Thị Tiếng	4307215008895	Agribank Hoài Nhơn	7.062.153	7.062.153							
53	Lê Thị Tuyết Trang	4307205066865	Agribank Hoài Nhơn	6.103.900	6.103.900							Tăng PCĐH

54	Hồ Dương Phúc	4307205017094	Agribank Hoài Nhơn	4.880.793	4.880.793							
55	Nguyễn Thị Mơ	4307205205327	Agribank Hoài Nhơn	4.052.055	4.052.055							
56	La Thị Kiều Diễm	4307205462192	Agribank Hoài Nhơn	5.009.305	5.009.305							
57	Trương Thị Bích Phượng	4307215023246	Agribank Hoài Nhơn	5.720.577	5.720.577							Giảm PCĐH
58	Trần Thị Thu Trúc	4307215008321	Agribank Hoài Nhơn	8.930.729	8.930.729							
59	Trần Thị Hiệp	4307215008889	Agribank Hoài Nhơn	7.004.266	7.004.266							
60	Nguyễn Thị Ngọc Bích	4307215014528	Agribank Hoài Nhơn	5.904.423	5.904.423							
61	Nguyễn Cảnh Lễ	4307205229360	Agribank Hoài Nhơn	8.335.656	8.335.656							
62	Võ Thị Hồng Nhung	4307215034793	Agribank Hoài Nhơn	5.248.376	5.248.376							
63	Cao Thanh Toàn	4307215008656	Agribank Hoài Nhơn	7.833.973	7.833.973							
64	Nguyễn Thị Minh Hiếu	4307215008400	Agribank Hoài Nhơn	9.068.885	9.068.885							
65	Nguyễn Thị Hóa	4307215018200	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
66	Nguyễn Thành Hoàng	4307215014195	Agribank Hoài Nhơn	7.874.995	7.874.995							Giảm PCĐH
67	Nguyễn Tấn Phương	4307215011349	Agribank Hoài Nhơn	4.338.027	4.338.027							Giảm PCĐH, Giảm PCUĐN
68	Nguyễn Thị Kim Cúc	4307205016418	Agribank Hoài Nhơn	7.996.904	7.996.904							
69	Nguyễn Thị Hằng	4307215013997	Agribank Hoài Nhơn	6.444.697	6.444.697							
70	Thái Thị Sương	4307215015550	Agribank Hoài Nhơn	5.846.536	5.846.536							
71	Trần Quang Thành	4307215023383	Agribank Hoài Nhơn	7.062.153	7.062.153							
72	Võ Thị Kim Phượng	4307215023281	Agribank Hoài Nhơn	5.788.650	5.788.650							
73	Võ Thị Ái Vân	4307215014251	Agribank Hoài Nhơn	6.742.697	6.742.697							Tăng PCĐH
74	Nguyễn Thị Vân	4307205386671	Agribank Hoài Nhơn	4.515.147	4.515.147							
75	Nguyễn Đình Cường	4307205152729	Agribank Hoài Nhơn	4.515.147	4.515.147							
76	Ngô Thị Minh Thao	4307215018173	Agribank Hoài Nhơn	7.698.904	7.698.904							
77	Huỳnh Văn Tân	4307215008430	Agribank Hoài Nhơn	8.013.836	8.013.836							Giảm PCĐH
78	Nguyễn Thanh Yên	4307215013951	Agribank Hoài Nhơn	7.319.517	7.319.517							Tăng PCĐH
79	Trần Thị Thu Tiết	4307215014172	Agribank Hoài Nhơn	7.085.539	7.085.539							Giảm PCĐH
80	Nguyễn Hồng Vân	4307215009172	Agribank Hoài Nhơn	11.448.767	11.448.767							Giảm PCĐH
81	Lê Thị Hồng Nhung	4307215009280	Agribank Hoài Nhơn	8.299.956	8.299.956							Giảm PCĐH
82	Nguyễn Thị Thật	4307215018506	Agribank Hoài Nhơn	6.676.243	6.676.243							
83	Phan Thị Thủy	4307215015464	Agribank Hoài Nhơn	6.808.311	6.808.311							Tăng lương, giảm PCĐH
84	Nguyễn Thị Ánh Trúc	4307215014150	Agribank Hoài Nhơn	6.586.924	6.586.924							Giảm PCĐH
85	Trần Thành Kiếm	4307215008604	Agribank Hoài Nhơn	7.300.221	7.300.221							
86	Huỳnh Hữu Phước	4307215008793	Agribank Hoài Nhơn	8.598.384	8.598.384							Tăng PCĐH
87	Nguyễn Đình Dũng	4307205052463	Agribank Hoài Nhơn	10.719.548	10.719.548							Giảm PCĐH
88	Trần Thị Phượng	4307215029105	Agribank Hoài Nhơn	7.312.744	7.312.744							Tăng PCĐH
89	Nguyễn Thị Lạc	4307215014108	Agribank Hoài Nhơn	6.942.357	6.942.357							
90	Phan Công Hồng	4307215039637	Agribank Hoài Nhơn	5.788.650	5.788.650							

91	Thái Thị Hồng Nhi	4307205524370	Agribank Hoài Nhơn	2.652.431	2.652.431							
II	**Đối với lao động, hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												
III	**Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSN công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												

Tổng số tiền bằng chữ : Sáu trăm bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng chẵn.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

16 biên chế tăng phụ cấp độc hại tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng 736.801 đồng.

02 biên chế tăng lương tháng 11/2023. Tổng số tiền tăng: 1.076.450 đồng.

Tổng số tiền tăng tháng 11/2023 : 1.813.251 đồng

31 biên chế giảm PCĐH tháng 11/2023 : Tổng số tiền giảm : 1.486.075 đồng

1 biên chế nghỉ dưỡng sức tháng 11/2023. Tổng số tiền giảm : 748.104 đồng.

01 biên chế thay đổi số tài khoản ngân hàng . Tổng số tiền giảm 6.227.808 đồng

01 biên chế giảm phụ cấp ưu đãi nghề tháng 11/2023. Tổng số tiền giảm: 1.823.760 đồng.

Tổng số tiền giảm tháng 11/2023 : 10.285.747 đồng.

Ngày tháng 11 năm 2023

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Định

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Xuân Trường

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Mẫu số 09

Mã hiệu: ……..

Số: …….

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày tháng 12 năm 2023 của TTYT thị xã Hoài Nhơn)

Tài khoản dự toán: ☐ **Tài khoản tiền gửi: ☒**

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn

2. Mã đơn vị: 1047707

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 4307201005395 Ngân hàng: Agribank Hoài Nhơn - PGD Tam Quan

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền lương tháng 11/2023

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			**87.787.500**		**87.787.500**						
I.	**Đối với công chức, viên chức**											
1												
II.	**Đối với lao động, hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**			**87.787.500**		**87.787.500**						
1	Trần Thanh Thảo	4307215023427	Agribank Hoài Nhơn	5.000.000		5.000.000						
2	Nguyễn Tấn Trung	4307215008498	Agribank Hoài Nhơn	7.160.000		7.160.000						
3	Nguyễn Tấn Binh	4307215018298	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
4	Thái Văn Mãi	4307205256935	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
5	Trần Quyết Chiến	4307205417572	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
6	Nguyễn Bình Phú	4307215009301	Agribank Hoài Nhơn	6.981.000		6.981.000						
7	Nguyễn Thị Duyên Anh	4307205511180	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						

8	Võ Thị Mỹ	4307215018410	Agribank Hoài Nhơn	5.638.500		5.638.500						
9	Nguyễn Thị Thanh Hiền	4307205114526	Agribank Hoài Nhơn	5.638.500		5.638.500						
10	Đặng Thị Trà	4307215018433	Agribank Hoài Nhơn	5.012.000		5.012.000						
11	Trần Thị Hồng Thắm	4307215023252	Agribank Hoài Nhơn	5.012.000		5.012.000						
12	Phùng Thị Kim Nguyệt	4307205181677	Agribank Hoài Nhơn	4.385.500		4.385.500						
13	Trần Thị Trang	4307205150680	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
14	Huỳnh Thị Nhung	4307205383542	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
15	Phạm Thị Tuyết	4307205487634	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
16	Nguyễn Thị Ái Mận	4307205430275	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
17	Lê Thị Miều	4307205499945	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
18	Nguyễn Thị Hiếu	4307205519118	Agribank Hoài Nhơn	4.296.000		4.296.000						
III.	**Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSN công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP**											
1												

Tổng số tiền bằng chữ: Tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Ngày tháng 11 năm 2023

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thị Kim Định	**Nguyễn Xuân Trường**	

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện